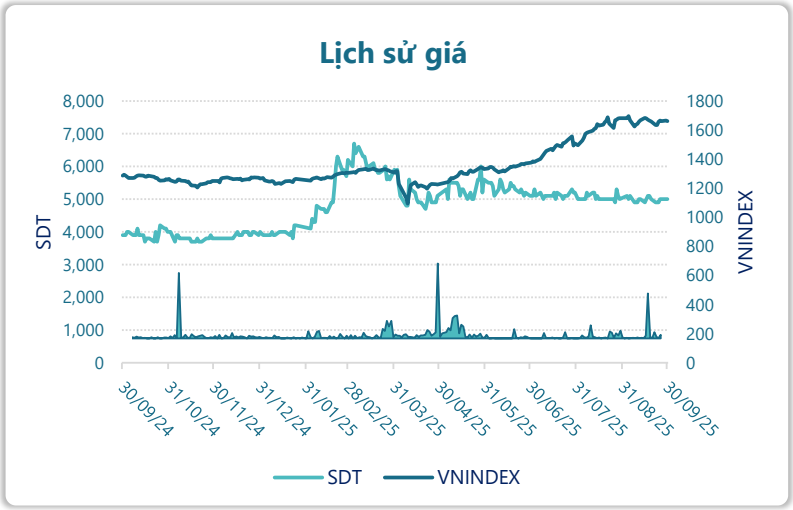
FireAnt

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	42,732,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,850
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	6.4
EPS	782

DT thuần

Q3/25

210

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 7.5%

YoY: ▼97.0| -31.7%

LN sau thuế

Q3/25

11.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.41| 303%

YoY: ▲ 1.93| 21.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.6%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

9T 2025

542

tỷ VNĐ

YoY: ▼138| -20.3%

LN sau thuế

9T 2025

13.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.3| 148%

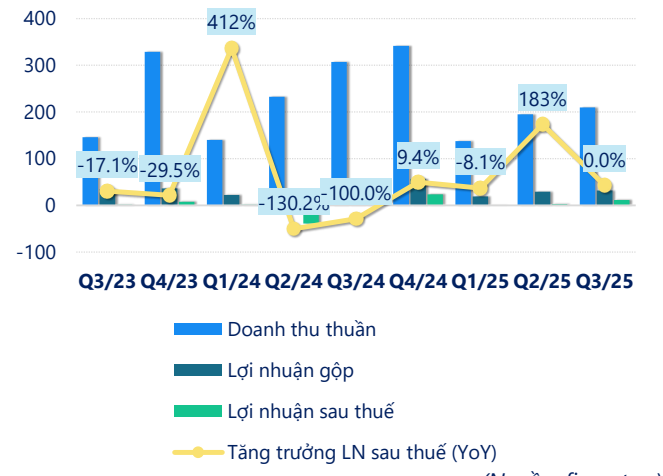
ROE

Q3/25

4.2%

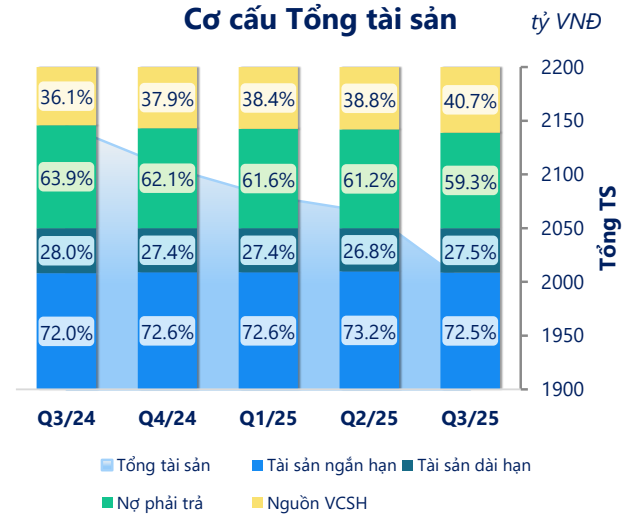
+/- YoY: ▲ 6.2%

Kết quả kinh doanh



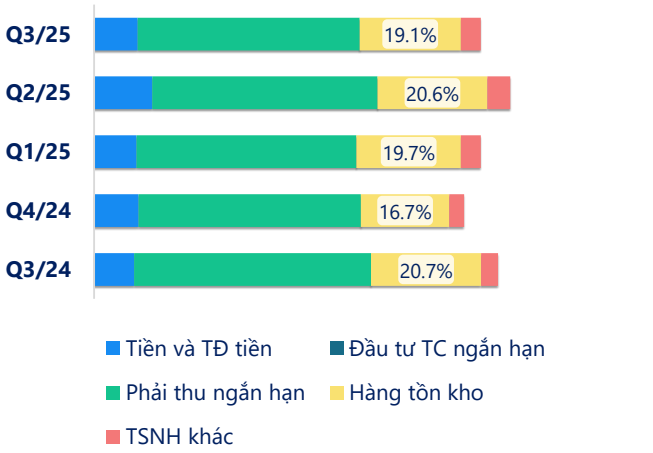
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



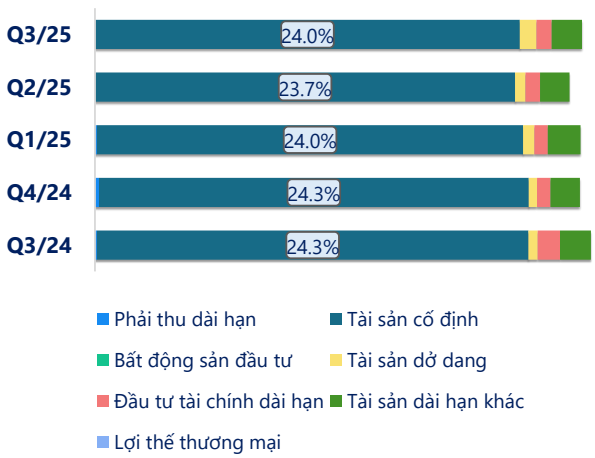
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



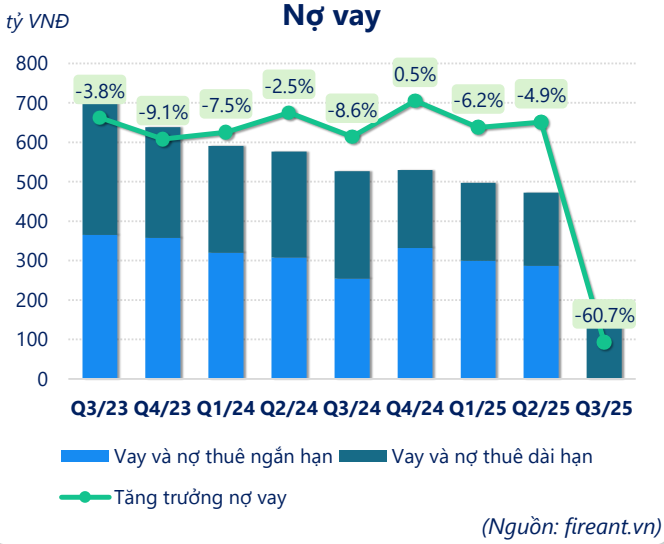
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



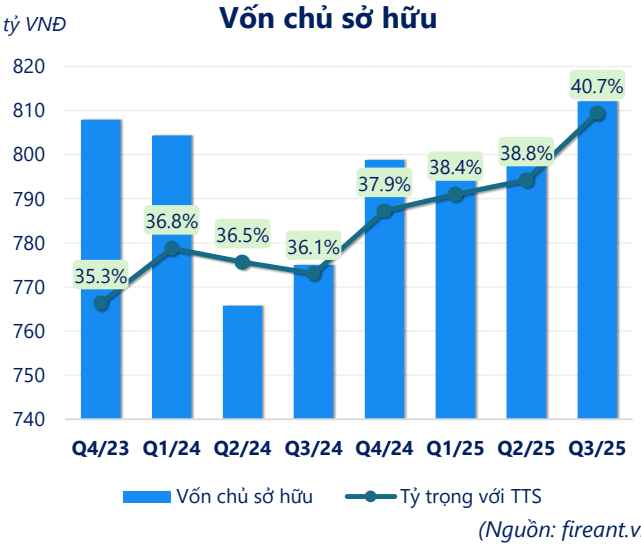
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



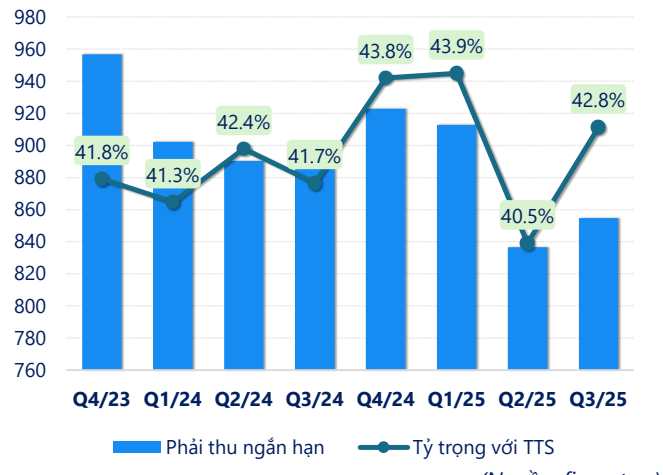
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



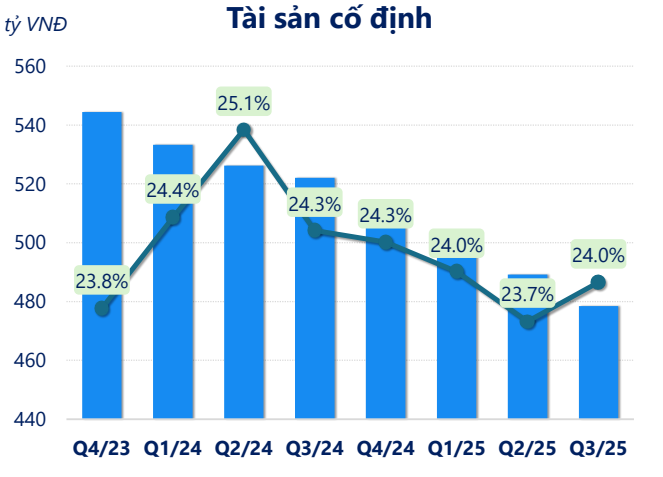
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



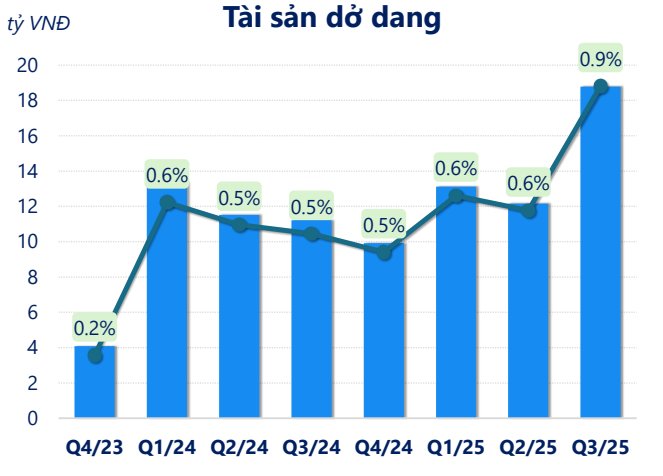
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



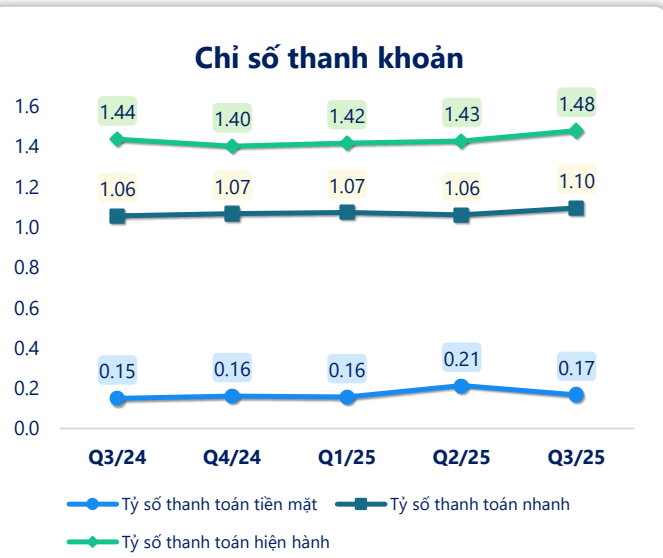
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



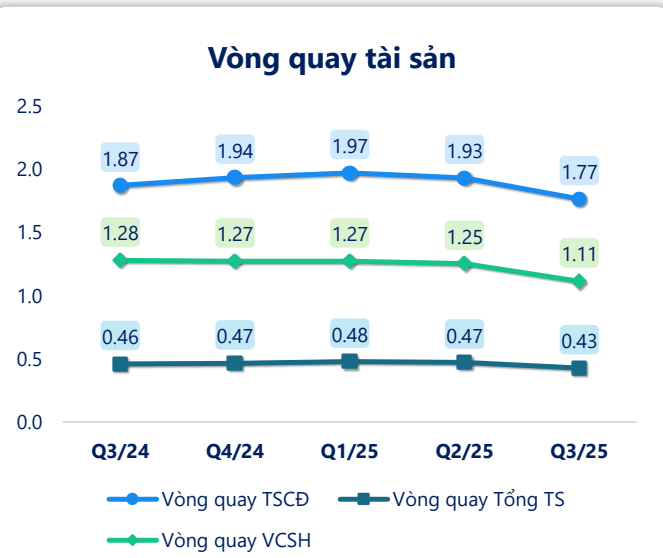
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,145**	**2,107**	**2,080**	**2,065**	**1,996**
Tài sản ngắn hạn	**1,545**	**1,530**	**1,510**	**1,512**	**1,448**
Tiền và tương đương tiền	161	177	166	226	164
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0.43	0
Phải thu ngắn hạn	895	923	913	837	855
Hàng tồn kho	409	366	367	389	376
Tài sản ngắn hạn khác	80.0	65.5	64.0	60.1	53.2
Tài sản dài hạn	**600**	**577**	**570**	**553**	**548**
Phải thu dài hạn	2.46	4.65	2.38	0.16	0.12
Tài sản cố định	522	511	500	489	478
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.2	9.91	13.1	12.2	18.8
Đầu tư tài chính dài hạn	27.0	15.7	15.7	16.8	16.8
Tài sản dài hạn khác	37.5	35.3	38.3	34.7	34.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,370**	**1,308**	**1,282**	**1,264**	**1,184**
Nợ ngắn hạn	**1,075**	**1,091**	**1,065**	**1,058**	**978**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	255	332	299	287	0
Phải trả người bán ngắn hạn	224	229	213	187	171
Nợ dài hạn	295	217	217	206	206
Vay và nợ thuê dài hạn	272	198	198	186	186
Nguồn vốn chủ sở hữu	**775**	**799**	**798**	**801**	**812**
Vốn chủ sở hữu	**775**	**799**	**798**	**801**	**812**
Vốn điều lệ	427	427	427	427	427
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)